SAO Y
Ký bởi: Tổng cục Thống kê
Ngày ký: 31-05-2022 09:27:54 +07:00

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỔNG CỤC THỐNG KÊ

Số: 110 /TB-TCTK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 30 tháng 5 năm 2022

THÔNG BÁO
Tuyển dụng công chức Tổng cục Thống kê năm 2022

Căn cứ Kế hoạch số 3429/KH-BKHĐT ngày 26/5/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc tuyển dụng công chức năm 2022 của Tổng cục Thống kê thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Tổng cục Thống kê thông báo thi tuyển và xét tuyển công chức Tổng cục Thống kê năm 2022 như sau:

I. VỊ TRÍ, CHỈ TIÊU VÀ YÊU CẦU CHUYÊN MÔN NGHIỆP VỤ THEO TỪNG VỊ TRÍ

Tổng chỉ tiêu tuyển dụng công chức năm 2022 của Tổng cục Thống kê là 533 chỉ tiêu, trong đó chỉ tiêu thi tuyển là 526 chỉ tiêu, chỉ tiêu xét tuyển là 7 chỉ tiêu, cụ thể như sau:

Phụ lục 1: Vị trí, chỉ tiêu, yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ thi tuyển công chức vào các đơn vị ở Trung ương của Tổng cục Thống kê năm 2022.

Phụ lục 2: Vị trí, chỉ tiêu thi tuyển công chức Cục Thống kê tỉnh, thành phố năm 2022.

Phụ lục 3: Vị trí, chỉ tiêu xét tuyển công chức Cục Thống kê tỉnh, thành phố năm 2022.

Phụ lục 4: Yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ đối với các vị trí thi tuyển, xét tuyển công chức Cục Thống kê tỉnh, thành phố năm 2022.

II. ĐIỀU KIỆN ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN CÔNG CHỨC

1. Người có đủ các điều kiện sau đây không phân biệt dân tộc, nam, nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo được đăng ký dự tuyển công chức năm 2022 của Tổng cục Thống kê:

(1) Có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam;

(2) Đủ 18 tuổi trở lên;

(3) Có Phiếu đăng ký dự tuyển công chức; có lý lịch rõ ràng;

(4) Có văn bằng, chứng chỉ phù hợp với yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ của vị trí tuyển dụng (quy định tại Phụ lục 1, Phụ lục 4 của Kế hoạch này);

(5) Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt;

(6) Đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ.

2. Người không được đăng ký dự tuyển

Người có một trong những tình trạng sau đây không được đăng ký dự tuyển công chức năm 2022 của Tổng cục Thống kê:

a) Không cư trú tại Việt Nam;

b) Mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

c) Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành hoặc đã chấp hành xong bản án, quyết định về hình sự của Tòa án mà chưa được xóa án tích; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc.

3. Đối tượng và điểm ưu tiên trong thi tuyển, xét tuyển:

- Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B: được cộng 7,5 điểm vào kết quả điểm Vòng 2;

- Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp phục viên, người làm công tác cơ yếu chuyển ngành, học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị, tốt nghiệp đào tạo chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã ngành quân sự cơ sở được phong quân hàm sĩ quan dự bị đã đăng ký ngạch sĩ quan dự bị, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động: được cộng 5 điểm vào kết quả điểm Vòng 2;

- Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong: được cộng 2,5 điểm vào kết quả điểm Vòng 2.

Trường hợp người dự thi tuyển, xét tuyển thuộc nhiều diện ưu tiên thì chỉ được cộng điểm ưu tiên cao nhất vào kết quả điểm Vòng 2.

III. TUYỂN DỤNG THÔNG QUA THI TUYỂN

1. Đối tượng thi tuyển: tất cả thí sinh đăng ký dự tuyển công chức năm 2022 phải thi tuyển, trừ trường hợp đăng ký dự tuyển vào 7 vị trí có chỉ tiêu xét tuyển tại Phụ lục 3.

2. Nội dung, hình thức: thi tuyển công chức được thực hiện theo 2 Vòng thi như sau:

2.1. Vòng 1: gồm 2 Phần thi trắc nghiệm trên máy vi tính, nội dung cụ thể như sau:

- Phần 1. Kiến thức chung: 60 câu hỏi về hệ thống chính trị, tổ chức bộ máy của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội; quản lý hành chính nhà nước; công chức, công vụ và các kiến thức khác để đánh giá năng lực. Thời gian thi 60 phút.

- Phần 2. Ngoại ngữ: 30 câu hỏi Tiếng Anh theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển. Thời gian thi 30 phút.

- Miễn phần thi Ngoại ngữ đối với các trường hợp sau:

+ Có bằng tốt nghiệp chuyên ngành ngôn ngữ Anh ở trình độ đào tạo bằng hoặc cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí dự tuyển;

+ Có bằng tốt nghiệp ở trình độ đào tạo bằng hoặc cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí tuyển dụng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp (bằng tiếng Anh) và được công nhận tại Việt Nam theo quy định;

+ Có chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số hoặc là người dân tộc thiểu số, trong trường hợp dự tuyển vào công chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số.

- Cách tính điểm: Kết quả thi Vòng 1 được xác định theo số câu trả lời đúng cho từng phần thi, nếu trả lời đúng từ 50% số câu hỏi trở lên cho từng phần thi thì người dự tuyển được thi tiếp Vòng 2.

- Kết quả thi được thông báo cho thí sinh được biết ngay sau khi kết thúc thời gian làm bài thi trên máy tính và không thực hiện phúc khảo.

2.2. Vòng 2: Thi môn nghiệp vụ chuyên ngành

2.2.1. Đối với các vị trí tại các đơn vị ở Trung ương

- Hình thức thi: Phỏng vấn;

- Nội dung thi: Kiểm tra kiến thức về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật về ngành, lĩnh vực tuyển dụng; kiến thức, năng lực, kỹ năng thực thi công vụ của người dự tuyển công chức theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng;

- Thời gian phỏng vấn: 30 phút (trước khi thi phỏng vấn, thí sinh dự thi có không quá 15 phút chuẩn bị);

- Thang điểm: 100 điểm;

- Không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả thi Vòng 2 bằng hình thức phỏng vấn.

2.2.2. Đối với các vị trí tại Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

- Hình thức thi: Thi viết.

- Nội dung thi: Kiểm tra kiến thức về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật về ngành, lĩnh vực tuyển dụng; kiến thức, năng lực, kỹ năng thực thi công vụ của người dự tuyển công chức theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng;

- Thời gian thi: 180 phút (không kể thời gian chép đề);

- Thang điểm: 100 điểm.

3. Xác định người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển công chức năm 2022

3.1. Người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển công chức phải có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có kết quả điểm thi tại Vòng 2 đạt từ 50 điểm trở lên;

b) Có kết quả điểm thi tại Vòng 2 cộng với điểm ưu tiên quy định tại Mục 3 Phần II (nếu có) cao hơn lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu thi tuyển theo vị trí của từng đơn vị ở Trung ương; từng Phòng/Chi cục Thống kê thuộc từng Cục Thống kê mà thí sinh đã đăng ký dự tuyển.

3.2. Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả điểm thi Vòng 2 cộng với điểm ưu tiên quy định tại Mục 3 Phần II (nếu có) bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng cần tuyển dụng thì người có kết quả điểm thi Vòng 2 cao hơn là người trúng tuyển; nếu vẫn không xác định được thì người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức quyết định người trúng tuyển.

3.3. Người không trúng tuyển trong kỳ thi tuyển công chức không được bảo lưu kết quả thi tuyển cho các kỳ thi tuyển lần sau.

IV. TUYỂN DỤNG THÔNG QUA XÉT TUYỂN

1. Đối tượng xét tuyển

Người đăng ký dự tuyển, tình nguyện có đơn cam kết làm việc từ 05 năm trở lên tại Chi cục Thống kê cấp huyện có chỉ tiêu xét tuyển.

2. Nội dung xét tuyển công chức: Xét tuyển công chức được thực hiện theo 2 Vòng như sau:

2.1. Vòng 1: Kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn của người dự xét tuyển tại Phiếu đăng ký dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm đã đăng ký, nếu đáp ứng đủ thì người dự tuyển được tham dự tiếp Vòng 2 quy định tại Mục 2.2 Phần V dưới đây.

2.2. Vòng 2:

- Phỏng vấn để kiểm tra về kiến thức, kỹ năng thực thi công vụ của người dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển;

- Điểm phỏng vấn được tính theo thang điểm 100;

- Thời gian phỏng vấn 30 phút (thí sinh dự thi có không quá 15 phút chuẩn bị trước khi phỏng vấn);

- Không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả phỏng vấn.

3. Xác định người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển công chức

3.1. Người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển công chức phải có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có kết quả điểm phỏng vấn tại Vòng 2 đạt từ 50 điểm trở lên;

b) Có kết quả điểm phỏng vấn tại Vòng 2 cộng với điểm ưu tiên quy định tại Mục 3 Phần II (nếu có) cao hơn lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu xét tuyển tại vị trí việc làm của Chi cục Thống kê thuộc Cục Thống kê cấp tỉnh nơi thí sinh đăng ký dự tuyển.

3.2. Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả điểm phỏng vấn tại Vòng 2 cộng với điểm ưu tiên quy định tại Mục 3 Phần II (nếu có) bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng cần tuyển dụng, khi đó người có kết quả điểm phỏng vấn tại Vòng 2 cao hơn là người trúng tuyển; nếu vẫn không xác định được thì người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức quyết định người trúng tuyển.

3.3. Người không trúng tuyển trong kỳ xét tuyển công chức không được bảo lưu kết quả xét tuyển cho các kỳ xét tuyển lần sau.

V. ĐĂNG KÝ THI TUYỂN, XÉT TUYỂN CÔNG CHỨC

1. Hồ sơ đăng ký dự tuyển của thí sinh bao gồm:

(1) Danh mục Hồ sơ theo Mẫu;

Người đăng ký dự tuyển sắp xếp hồ sơ theo đúng thứ tự như trong Danh mục.

(2) Phiếu đăng ký dự tuyển theo Mẫu (có dán ảnh mới chụp trong vòng 6 tháng trở lại đây);

Người dự tuyển phải kê khai đầy đủ, rõ ràng, chính xác các nội dung yêu cầu trong Phiếu đăng ký dự tuyển tính đến thời điểm nộp Phiếu; có thể viết tay hoặc đánh máy, phải ký tên trên từng trang của Phiếu;

(3) Bản sao bằng tốt nghiệp chuyên môn nghiệp vụ (chưa yêu cầu nộp bản sao chứng chỉ tiếng Anh, Tin học) và Phiếu điểm kết quả học tập theo yêu cầu vị trí tuyển dụng được cơ quan có thẩm quyền chứng thực;

- Đối với thí sinh mới tốt nghiệp, nếu chưa có bằng cho phép sử dụng Giấy chứng nhận tốt nghiệp của cơ sở đào tạo trong thời gian chờ cấp bằng chính thức.

- Nếu văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công chứng dịch thuật sang tiếng Việt và phải được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận theo quy định tại Thông tư số 13/2021/TT-BGDĐT ngày 15/4/2021 quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, thẩm quyền công nhận văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam.

(4) Bốn (04) phong bì có dán tem, ghi rõ họ tên, địa chỉ người nhận và số điện thoại liên lạc, hai (02) ảnh mầu cỡ 4x6 cm mới chụp trong vòng 6 tháng trở lại đây.

(5) Thí sinh thuộc diện ưu tiên phải nộp bản sao các giấy tờ liên quan được cơ quan có thẩm quyền chứng thực.

(6) Thí sinh thuộc diện được miễn thi ngoại ngữ phải nộp bản sao các giấy tờ liên quan được cơ quan có thẩm quyền chứng thực.

(7) Trường hợp người đăng ký dự tuyển không kê khai chứng chỉ ngoại ngữ, tin học trong Phiếu đăng ký dự tuyển nhưng có bằng tốt nghiệp chuyên môn đã chuẩn đầu ra về ngoại ngữ hoặc tin học theo quy định mà tương ứng với yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển thì phải ghi rõ tại Phần III trong Phiếu đăng ký dự tuyển và phải nộp các giấy tờ hợp pháp liên quan làm căn cứ xác định (nếu không nộp coi như không có chứng chỉ).

(8) Cam kết tình nguyện làm việc từ 5 năm trở lên tại Chi cục Thống kê có chỉ tiêu xét tuyển (nếu thí sinh đăng ký vào vị trí xét tuyển).

- Hồ sơ đăng ký dự tuyển của từng cá nhân được bỏ vào túi hồ sơ cỡ 24x32 cm. Ghi rõ trên túi hồ sơ các thông tin: họ tên; ngày, tháng, năm sinh; vị trí đăng ký dự tuyển; số điện thoại, địa chỉ liên lạc; các loại giấy tờ, văn bằng nộp. Không trả lại hồ sơ đối với các hồ sơ không đạt yêu cầu, thí sinh không trúng tuyển.

- Trong kỳ tuyển dụng công chức Tổng cục Thống kê năm 2022, mỗi thí sinh chỉ được đăng ký dự tuyển vào một vị trí tuyển dụng tại một đơn vị có chỉ tiêu tuyển dụng, do đó chỉ lập và nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định nêu trên, nếu vi phạm sẽ bị loại khỏi danh sách dự thi, hủy kết quả tuyển dụng.

- Người đăng ký dự tuyển phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp những thông tin khai trong Phiếu đăng ký dự tuyển và những giấy tờ trong hồ sơ dự tuyển. Nếu người đăng ký dự tuyển có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển, giả mạo hồ sơ, sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận không đúng quy định sẽ bị hủy kết quả trúng tuyển, bị xử lý theo quy định và không tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển trong một kỳ tuyển dụng tiếp theo.

- Sau khi có thông báo công nhận kết quả trúng tuyển, người trúng tuyển phải xuất trình bản chính bằng tốt nghiệp chuyên môn, Phiếu điểm kết quả học tập theo yêu cầu của vị trí tuyển dụng để kiểm tra đối chiếu; đồng thời nộp bản sao bằng tốt nghiệp, Phiếu điểm kết quả học tập, chứng chỉ theo yêu cầu của vị trí tuyển dụng, đối tượng ưu tiên (nếu có) để hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng (riêng trường hợp có bằng tốt nghiệp chuyên môn đã chuẩn đầu ra về ngoại ngữ hoặc tin học theo quy định mà tương ứng với yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ, tin học).

2. Tiếp nhận hồ sơ đăng ký dự tuyển

- Thời gian tiếp nhận Hồ sơ đăng ký dự tuyển: từ ngày 31/5/2022 đến 17 giờ ngày 29/6/2022. Các trường hợp nộp sau thời gian nói trên đều không hợp lệ.

- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: trụ sở cơ quan Tổng cục Thống kê, số 54 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội hoặc trụ sở Cục Thống kê tỉnh, thành phố thí sinh đăng ký dự tuyển.

- Cách thức nộp: Người đăng ký trực tiếp đến nộp Hồ sơ đăng ký dự tuyển tại địa điểm tiếp nhận hồ sơ, không tiếp nhận hồ sơ do người khác nộp thay hoặc hồ sơ gửi qua đường bưu điện.

- Chỉ tiếp nhận các hồ sơ đầy đủ theo quy định, có Giấy biên nhận hồ sơ.

3. Lệ phí dự tuyển: theo Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức (dự kiến 300.000 đồng/thí sinh). Thí sinh nộp lệ phí cho Hội đồng tuyển dụng công chức ngay sau lễ khai mạc.

VI. DANH SÁCH THÍ SINH CÓ ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN, THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM THI TUYỂN, XÉT TUYỂN

1. Danh sách thí sinh đủ điều kiện dự thi tuyển, xét tuyển công chức năm 2022 sẽ được thông báo trên trang thông tin điện tử của Tổng cục Thống kê tại địa chỉ: http://www.gso.gov.vn.

2. Thời gian và địa điểm thi tuyển, xét tuyển sẽ được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng cục Thống kê tại địa chỉ http://www.gso.gov.vn đồng thời gửi Giấy triệu tập cho thí sinh có đủ điều kiện dự thi tuyển, xét tuyển theo địa chỉ thí sinh đã đăng ký (dự kiến tháng 7-8/2022, chia 2 Cụm thi: phía Bắc và phía Nam).

3. Kết quả điểm thi tuyển, xét tuyển và kết quả trúng tuyển sẽ được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng cục Thống kê tại địa chỉ http://www.gso.gov.vn đồng thời gửi cho thí sinh theo địa chỉ thí sinh đã đăng ký.

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. Bộ phận thường trực tiếp nhận Hồ sơ và giải đáp thông tin cụ thể liên quan đến kỳ tuyển dụng:

- Vụ Tổ chức cán bộ, Tổng cục Thống kê;

- Địa chỉ: Số 54 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội;

- Điện thoại: 024. 73046666, máy lẻ 5006, 5007, 5008, 5010, 5015, 5017.

2. Tổng cục Thống kê không tổ chức lớp ôn thi và không chịu trách nhiệm đối với lớp ôn thi do tổ chức, cá nhân thực hiện.

3. Tài liệu tham khảo phục vụ cho việc ôn tập, Hội đồng tuyển dụng sẽ thông báo sau.

3. Thí sinh thường xuyên truy cập vào trang thông tin điện tử của Tổng cục Thống kê tại địa chỉ http://www.gso.gov.vn để cập nhật thông tin về kỳ tuyển dụng công chức Tổng cục Thống kê năm 2022./.

Nơi nhận:
- Lãnh đạo Tổng cục;
- Vụ TCCB BKHĐT;
- Báo Đầu tư (để đăng tin);
- Trang TTĐT của TCTK (để đăng tin);
- Cục TK cấp tỉnh có chỉ tiêu tuyển dụng (để t/h);
- Các đơn vị thuộc TCTK: Vụ TCCB, KHTC, VPTC (để t/h);
- Lưu: VT, TCCB (5b).

TỔNG CỤC TRƯỞNG

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỔNG CỤC THỐNG KÊ

Nguyễn Thị Hương

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỔNG CỤC THỐNG KÊ

PHỤ LỤC 1

BẢNG VỊ TRÍ, CHỈ TIÊU, YÊU CẦU CHUYÊN MÔN NGHIỆP VỤ THI TUYỂN CÔNG CHỨC VÀO CÁC ĐƠN VỊ Ở TRUNG ƯƠNG CỦA TỔNG CỤC THỐNG KÊ NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Thông báo số :110/TB-TCTK ngày 30 / 5 /2022 của Tổng cục Thống kê)

STT	Đơn vị	Vị trí tuyển dụng	Ngạch	Trình độ tối thiểu	Chỉ tiêu thi tuyển	Yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ
		Tổng cộng			**39**	
1	Vụ Phương pháp chế độ và quản lý chất lượng thống kê	Hệ thống thông tin thống kê	Thống kê viên	Đại học	3	(1) Tốt nghiệp Đại học trở lên; có chuyên ngành đào tạo ở trình độ đại học là: thống kê kinh tế-xã hội, kinh tế, toán ứng dụng trong kinh tế, toán học tổng hợp, toán tài chính, kinh tế đầu tư, kinh tế quốc tế, kinh tế phát triển, kế hoạch, kinh doanh thương mại, kinh doanh quốc tế, tài chính – ngân hàng, kế toán, kiểm toán, hệ thống thông tin quản lý, kinh tế đối ngoại, thương mại quốc tế. (2) Có một trong những chứng chỉ tiếng Anh sau: chứng chỉ tiếng Anh bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam; chứng chỉ tiếng Anh trình độ B trở lên cấp trước ngày Thông tư số 20/2019/TT-BGDĐT ngày 26/11/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo có hiệu lực (ngày 15/01/2020); chứng chỉ tiếng Anh TOEFL 400 trở lên (PBT), 97 trở lên (CBT), 42 trở lên (IBT), IELTS 3.0 trở lên, TOEIC 150 trở lên và A2 khung Châu Âu trở lên. (3) Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc chứng chỉ Tin học Văn phòng B trở lên được cấp trước ngày Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/6/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông có hiệu lực (ngày 10/8/2016).
2	Vụ Thống kê Tổng hợp và Phổ biến thông tin thống kê	Thông tin kinh tế xã hội và niên giám thống kê	Thống kê viên	Đại học	3	
3	Vụ Hệ thống Tài khoản quốc gia	Lập các tài khoản, bảng cân đối	Thống kê viên	Đại học	2	
		Thống kê các chỉ tiêu tài khoản quốc gia	Thống kê viên	Đại học	2	
4	Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng	Thống kê công nghiệp	Thống kê viên	Đại học	1	
5	Vụ Thống kê Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản	Thống kê nông nghiệp	Thống kê viên	Đại học	1	
		Thống kê thủy sản	Thống kê viên	Đại học	2	
6	Vụ Thống kê Thương mại và Dịch vụ	Thống kê thương mại và dịch vụ quốc tế	Thống kê viên	Đại học	2	
7	Vụ Thống kê Giá	Thống kê giá tiêu dùng	Thống kê viên	Đại học	2	
		Thống kê giá sản xuất	Thống kê viên	Đại học	4	

STT	Đơn vị	Vị trí tuyển dụng	Ngạch	Trình độ tối thiểu	Chỉ tiêu thi tuyển	Yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ
8	Vụ Pháp chế và Thanh tra Thống kê	Pháp chế, tuyên truyền	Thống kê viên	Đại học	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên; có chuyên ngành đào tạo ở trình độ đại học là: Luật, Báo chí, Truyền thông
		Tiếp công dân và phòng, chống tham nhũng	Thống kê viên	Đại học	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên; có chuyên ngành đào tạo ở trình độ đại học là: Luật
		Thanh tra	Thống kê viên	Đại học	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên; có chuyên ngành đào tạo ở trình độ đại học là: thống kê kinh tế-xã hội, kinh tế, toán ứng dụng trong kinh tế, toán học tổng hợp, toán tài chính, kinh tế đầu tư, kinh tế quốc tế, kinh tế phát triển, kế hoạch, kinh doanh thương mại, kinh doanh quốc tế, tài chính – ngân hàng, kế toán, kiểm toán, hệ thống thông tin quản lý, kinh tế đối ngoại, thương mại quốc tế, Luật
9	Văn phòng Tổng cục	Văn thư	Nhân viên	Trung cấp	1	Tốt nghiệp Trung cấp trở lên; chuyên ngành: Văn thư lưu trữ, hành chính học, quản trị văn phòng, lưu trữ học, thư ký văn phòng.
		Lưu trữ	Chuyên viên	Đại học	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên; chuyên ngành: Văn thư lưu trữ, hành chính học, quản trị văn phòng, lưu trữ học, thư ký văn phòng.
		Quản trị công sở	Chuyên viên	Đại học	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên; các chuyên ngành kinh tế, kỹ thuật phù hợp, kỹ sư công nghệ thông tin
10	Vụ Thống kê Nước ngoài và Hợp tác quốc tế	Thống kê nước ngoài và tổ chức quốc tế	Thống kê viên	Đại học	3	(1) Tốt nghiệp Đại học trở lên; có chuyên ngành đào tạo ở trình độ đại học là: thống kê kinh tế-xã hội, kinh tế, toán ứng dụng trong kinh tế, toán học tổng hợp, toán tài chính, kinh tế đầu tư, kinh tế quốc tế, kinh tế phát triển, kế hoạch, kinh doanh thương mại, kinh doanh quốc tế, tài chính – ngân hàng, kế toán, kiểm toán, hệ thống thông tin quản lý, kinh tế đối ngoại, thương mại quốc tế. (2) Có một trong những chứng chỉ tiếng Anh sau: TOEFL 470 trở lên (PBT), 52 trở lên (IBT), IELTS 4.0 trở lên, TOEIC 530 trở lên và B1 khung châu Âu trở lên. (3) Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc chứng chỉ Tin học Văn phòng B trở lên được cấp trước ngày Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/6/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông có hiệu lực (ngày 10/8/2016).

STT	Đơn vị	Vị trí tuyển dụng	Ngạch	Trình độ tối thiểu	Chỉ tiêu thi tuyển	Yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ
		Hợp tác quốc tế về thống kê	Thống kê viên	Đại học	2	(1) Tốt nghiệp Đại học trở lên; có chuyên ngành đào tạo ở trình độ đại học là: ngôn ngữ Anh, quan hệ quốc tế. (2) Có một trong những chứng chỉ tiếng Anh sau: chứng chỉ tiếng Anh TOEFL 531 trở lên (PBT), 72 trở lên (IBT), IELTS 6.0 trở lên, TOEIC 680 trở lên và C1 khung châu Âu trở lên. (3) Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc chứng chỉ Tin học Văn phòng B trở lên được cấp trước ngày Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/6/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông có hiệu lực (ngày 10/8/2016).
9	Vụ Tổ chức cán bộ	Quản lý chế độ chính sách	Chuyên viên	Đại học	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên; có chuyên ngành đào tạo ở trình độ đại học là Luật
		Quản lý nhân sự lãnh đạo, quản lý	Chuyên viên	Đại học	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên; có chuyên ngành đào tạo ở trình độ đại học là: hành chính công, quản trị nhân lực, quản lý nhà nước,
		Quản lý hồ sơ Cán bộ công chức	Nhân viên	Trung cấp	1	Tốt nghiệp Trung cấp trở lên; chuyên ngành: Văn thư lưu trữ, hành chính học, quản trị văn phòng, lưu trữ học, thư ký văn phòng.
12	Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê	Công nghệ thông tin thống kê	Thống kê viên	Đại học	1	(1) Tốt nghiệp Đại học trở lên; có chuyên ngành đào tạo ở trình độ đại học là: Tin học, điện tử Tin học, Khoa học máy tính, Truyền thông và mạng máy tính, Kỹ thuật phần mềm, Hệ thống thông tin, Công nghệ thông tin, An toàn thông tin, Công nghệ kĩ thuật máy tính, Công nghệ truyền thông, Hệ thống thông tin quản lý, Kỹ thuật máy tính, Tin học ứng dụng, Toán ứng dụng, Sư phạm Tin học, Điện tử Viễn thông. (2) Có một trong những chứng chỉ tiếng Anh sau: chứng chỉ tiếng Anh bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam; chứng chỉ tiếng Anh trình độ B trở lên cấp trước ngày Thông tư số 20/2019/TT-BGDĐT ngày 26/11/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo có hiệu lực (ngày 15/01/2020); chứng chỉ tiếng Anh TOEFL 400 trở lên (PBT), 97 trở lên (CBT), 42 trở lên (IBT), IELTS 3.0 trở lên, TOEIC 150 trở lên và A2 khung Châu Âu trở lên.
		Thống kê Công nghiệp	Thống kê viên	Đại học	2	Như yêu cầu tại vị trí Thống kê công nghiệp (Số thứ tự 4)

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỔNG CỤC THỐNG KÊ

PHỤ LỤC 2
BẢNG VỊ TRÍ, CHỈ TIÊU THI TUYỂN CÔNG CHỨC CỤC THỐNG KÊ TỈNH, THÀNH PHỐ NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Thông báo số: 110 /TB-TCTK ngày 30 / 5 /2022 của Tổng cục Thống kê)

TT Cục	TT Chi cục, Phòng	Cục Thống kê tỉnh, thành phố	Vị trí tuyển dụng	Ngạch công chức	Trình độ tối thiểu	Chỉ tiêu thi tuyển	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*
		Tổng cộng				**487**	
1		**Hà Nội**				**10**	
	I	**Trình độ Đại học**				**10**	
	1	Phòng Thu thập thông tin thống kê	Công nghệ thông tin thống kê	Thống kê viên	Đại học	1	
	2	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	Chuyên viên	Đại học	1	
	3	Chi cục Thống kê quận Bắc Từ Liêm	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	4	Chi cục Thống kê huyện Đông Anh	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	5	Chi cục Thống kê huyện Sóc Sơn	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	6	Chi cục Thống kê huyện Thạch Thất	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	7	Chi cục Thống kê huyện Ứng Hòa	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	8	Chi cục Thống kê huyện Ba Vì	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	9	Chi cục Thống kê huyện Chương Mỹ	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	10	Chi cục Thống kê huyện Thanh Oai	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
2		**Hà Giang**				**15**	
	I	**Trình độ Đại học**				**13**	
	1	Phòng Thống kê Kinh tế	Thống kê giá, dịch vụ vận tải, xuất nhập khẩu	Thống kê viên	Đại học	1	
	2	Phòng Thu thập thông tin thống kê	Thống kê nông nghiệp	Thống kê viên	Đại học	2	
	3	Phòng Tổ chức - Hành chính	Kế toán	Kế toán viên	Đại học	1	
	4	Chi cục Thống kê huyện Đồng Văn	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	5	Chi cục Thống kê huyện Yên Minh	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	6	Chi cục Thống kê huyện Quản Bạ	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	7	Chi cục Thống kê huyện Bắc Mê	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	8	Chi cục Thống kê huyện Vị Xuyên	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	9	Chi cục Thống kê KV Bắc Quang - Quang Bình	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2	
	10	Chi cục Thống kê huyện Xín Mần	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2	
	II	**Trình độ Cao đẳng**				**2**	
	1	Phòng Thu thập thông tin thống kê	Công nghệ thông tin thống kê	Thống kê viên cao đẳng	Cao đẳng	1	
	2	Chi cục Thống kê huyện Vị Xuyên	Thống kê xã hội	Thống kê viên cao đẳng	Cao đẳng	1	
3		**Cao Bằng**				**7**	
	I	**Trình độ Đại học**				**4**	
	1	Chi cục Thống kê huyện Bảo Lâm	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	2	Chi cục Thống kê huyện Hà Quảng	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	3	Chi cục Thống kê huyện Quảng Hoà	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	

TT Cục	TT Chi cục, Phòng	Cục Thống kê tỉnh, thành phố	Vị trí tuyển dụng	Ngạch công chức	Trình độ tối thiểu	Chỉ tiêu thi tuyển	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*
	4	Chi cục Thống kê huyện Thạch An	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	II	**Trình độ Cao đẳng**				**3**	
	1	Chi cục Thống kê huyện Bảo Lâm	Thống kê kinh tế	Thống kê viên cao đẳng	Cao đẳng	1	
	2	Chi cục Thống kê huyện Quảng Hoà	Thống kê kinh tế	Thống kê viên cao đẳng	Cao đẳng	1	
	3	Chi cục Thống kê huyện Nguyên Bình	Thống kê kinh tế	Thống kê viên cao đẳng	Cao đẳng	1	
4		**Bắc Kạn**				**4**	
	I	**Trình độ Đại học**				**4**	
	1	Phòng Thống kê Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	Thống kê viên	Đại học	1	
	2	Phòng Thu thập thông tin Thống kê	Công nghệ thông tin thống kê	Thống kê viên	Đại học	1	
	3	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	Chuyên viên	Đại học	1	
	4	Chi cục Thống kê KV Bạch Thông - Ngân Sơn	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
5		**Tuyên Quang**				**3**	
	I	**Trình độ Đại học**				**1**	
	1	Phòng Thu thập thông tin thống kê	Thống kê nông nghiệp	Thống kê viên	Đại học	1	
	II	**Trình độ Cao đẳng**				**2**	
	1	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	Cán sự	Cao đẳng	1	
	2	Chi cục Thống kê TP Tuyên Quang	Thống kê kinh tế	Thống kê viên cao đẳng	Cao đẳng	1	
6		**Lào Cai**				**9**	
	I	**Trình độ Đại học**				**9**	
	1	Phòng Thống kê Kinh tế	Thống kê nông nghiệp	Thống kê viên	Đại học	1	
	2	Phòng Thu thập thông tin thống kê	Thống kê nông nghiệp	Thống kê viên	Đại học	1	
	3	Chi cục Thống kê TP Lào Cai	Thống kê nông nghiệp	Thống kê viên	Đại học	1	
	4	Chi cục Thống kê TX Sa Pa	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	5	Chi cục Thống kê KV Bắc Hà - Si Ma Cai - Mường Khương	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2	
	6	Chi cục Thống kê huyện Bát Xát	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	7	Chi cục Thống kê KV Bảo Yên -Văn Bàn	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2	
7		**Điện Biên**				**2**	
	I	**Trình độ Đại học**				**1**	
	1	Chi cục Thống kê huyện Điện Biên Đông	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	II	**Trình độ Cao đẳng**				**1**	
	1	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	Cán sự	Cao đẳng	1	
8		**Lai Châu**				**6**	
	I	**Trình độ Đại học**				**4**	
	1	Chi cục Thống kê huyện Sìn Hồ	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	2	Chi cục Thống kê huyện Phong Thổ	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	3	Chi cục Thống kê huyện Nậm Nhùn	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	4	Chi cục Thống kê huyện Mường Tè	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	II	**Trình độ Cao đẳng**				**1**	
	1	Chi cục Thống kê huyện Nậm Nhùn	Thống kê kinh tế	Thống kê viên cao đẳng	Cao đẳng	1	
	III	**Trình độ Trung cấp**				**1**	

TT Cục	TT Chi cục, Phòng	Cục Thống kê tỉnh, thành phố	Vị trí tuyển dụng	Ngạch công chức	Trình độ tối thiểu	Chỉ tiêu thi tuyển	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*
	1	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	Nhân viên	Trung cấp	1	
9		**Sơn La**				**13**	
	I	**Trình độ Đại học**				**10**	
	1	Chi cục Thống kê KV Sơn La - Mường La	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	2	Chi cục Thống kê KV Thuận Châu - Quỳnh Nhai	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2	
	3	Chi cục Thống kê KV Mộc Châu - Vân Hồ	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2	
	4	Chi cục Thống kê KV Mai Sơn - Yên Châu	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2	
	5	Chi cục Thống kê KV Sông Mã - Sốp Cộp	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	3	
	II	**Trình độ Cao đẳng**				**2**	
	1	Chi cục Thống kê KV Phù Yên - Bắc Yên	Thống kê kinh tế	Thống kê viên cao đẳng	Cao đẳng	1	
	2	Chi cục Thống kê KV Mai Sơn - Yên Châu	Thống kê kinh tế	Thống kê viên cao đẳng	Cao đẳng	1	
	III	**Trình độ Trung cấp**				**1**	
	1	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	Nhân viên	Trung cấp	1	
10		**Yên Bái**				**4**	
	I	**Trình độ Đại học**				**2**	
	1	Chi cục Thống kê huyện Mù Cang Chải	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	2	Chi cục Thống kê KV Văn Chấn - Nghĩa Lộ	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	II	**Trình độ Cao đẳng**				**1**	
	1	Chi cục Thống kê huyện Trạm Tấu	Thống kê kinh tế	Thống kê viên cao đẳng	Cao đẳng	1	
	III	**Trình độ Trung cấp**				**1**	
	1	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	Nhân viên	Trung cấp	1	
11		**Hòa Bình**				**7**	
	I	**Trình độ Đại học**				**2**	
	1	Chi cục Thống kê KV Hòa Bình - Đà Bắc	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2	
	II	**Trình độ Cao đẳng**				**5**	
	1	Phòng Thu thập Thông tin thống kê	Công nghệ thông tin thống kê	Thống kê viên cao đẳng	Cao đẳng	1	
	2	Chi cục Thống kê KV Kim Bôi - Lạc Thủy	Thống kê kinh tế	Thống kê viên cao đẳng	Cao đẳng	2	
	3	Chi cục Thống kê KV Lạc Sơn -Yên Thủy	Thống kê kinh tế	Thống kê viên cao đẳng	Cao đẳng	2	
12		**Thái Nguyên**				**6**	
	I	**Trình độ Đại học**				**6**	
	1	Phòng Thống kê Kinh tế	Thống kê xây dựng, vốn đầu tư	Thống kê viên	Đại học	1	
	2	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	Chuyên viên	Đại học	1	
	3	Chi cục Thống kê huyện Đại Từ	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2	
	4	Chi cục Thống kê KV Phổ Yên - Sông Công	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	5	Chi cục Thống kê KV Đồng Hỷ - Võ Nhai	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
13		**Lạng Sơn**				**10**	
	I	**Trình độ Đại học**				**10**	
	1	Phòng Thống kê Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	Thống kê viên	Đại học	1	
	2	Phòng Thống kê Kinh tế	Thống kê nông nghiệp	Thống kê viên	Đại học	2	

TT Cục	TT Chi cục, Phòng	Cục Thống kê tỉnh, thành phố	Vị trí tuyển dụng	Ngạch công chức	Trình độ tối thiểu	Chỉ tiêu thi tuyển	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*
	3	Phòng Thu thập thông tin thống kê	Thống kê xây dựng, vốn đầu tư	Thống kê viên	Đại học	2	
	4	Chi cục Thống kê TP Lạng Sơn	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	5	Chi cục Thống kê huyện Văn Lãng	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2	
	6	Chi cục Thống kê huyện Bắc Sơn	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	7	Chi cục Thống kê huyện Bình Gia	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
14		**Quảng Ninh**				**2**	
	I	**Trình độ Đại học**				**2**	
	1	Phòng Thống kê Kinh tế	Thống kê công nghiệp	Thống kê viên	Đại học	2	
15		**Bắc Giang**				**6**	
	I	**Trình độ Đại học**				**4**	
	1	Chi cục Thống kê huyện Lục Nam	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	2	Chi cục Thống kê huyện Hiệp Hòa	Thống kê xã hội	Thống kê viên	Đại học	1	
	3	Chi cục Thống kê huyện Tân Yên	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	4	Chi cục Thống kê huyện Yên Thế	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	II	**Trình độ Cao đẳng**				**2**	
	1	Chi cục Thống kê huyện Lục Ngạn	Thống kê xã hội	Thống kê viên cao đẳng	Cao đẳng	1	
	2	Chi cục Thống kê huyện Sơn Động	Thống kê xã hội	Thống kê viên cao đẳng	Cao đẳng	1	
16		**Phú Thọ**				**8**	
	I	**Trình độ Đại học**				**7**	
	1	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	Chuyên viên	Đại học	1	
	2	Phòng Thu thập thông tin thống kê	Thống kê giá, dịch vụ vận tải, xuất nhập khẩu	Thống kê viên	Đại học	2	
	3	Chi cục Thống kê KV Tam Nông - Thanh Thủy	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	3	
	4	Chi cục Thống kê KV Thanh Sơn - Tân Sơn	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	II	**Trình độ Cao đẳng**				**1**	
	1	Chi cục Thống kê KV Thanh Sơn - Tân Sơn	Thống kê kinh tế	Thống kê viên cao đẳng	Cao đẳng	1	
17		**Vĩnh Phúc**				**5**	
	I	**Trình độ Đại học**				**5**	
	1	Phòng Thống kê Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	Thống kê viên	Đại học	1	
	2	Phòng Thống kê Xã hội	Thống kê dân số, văn xã	Thống kê viên	Đại học	1	
	3	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	Chuyên viên	Đại học	1	
	4	Phòng Tổ chức - Hành chính	Kế toán	Kế toán viên	Đại học	1	
	5	Chi cục Thống kê huyện Sông Lô	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
18		**Bắc Ninh**				**2**	
	I	**Trình độ Đại học**				**1**	
	1	Chi cục Thống kê huyện Gia Bình	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	III	**Trình độ Trung cấp**				**1**	
	1	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	Nhân viên	Trung cấp	1	
19		**Hải Phòng**				**1**	
	I	**Trình độ Đại học**				**1**	
	1	Chi cục Thống kê huyện Tiên Lãng	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	

TT Cục	TT Chi cục, Phòng	Cục Thống kê tỉnh, thành phố	Vị trí tuyển dụng	Ngạch công chức	Trình độ tối thiểu	Chỉ tiêu thi tuyển	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*
20		**Hưng Yên**				**1**	
	II	**Trình độ Cao đẳng**				**1**	
	1	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	Cán sự	Cao đẳng	1	
21		**Hà Nam**				**4**	
	I	**Trình độ Đại học**				**3**	
	1	Chi cục Thống kê TX Duy Tiên	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	2	Chi cục Thống kê huyện Bình Lục	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	3	Chi cục Thống kê huyện Lý Nhân	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	III	**Trình độ Trung cấp**				**1**	
	1	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	Nhân viên	Trung cấp	1	
22		**Ninh Bình**				**2**	
	I	**Trình độ Đại học**				**2**	
	1	Phòng Thu thập Thông tin thống kê	Công nghệ thông tin thống kê	Thống kê viên	Đại học	1	
	2	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	Chuyên viên	Đại học	1	
23		**Thanh Hoá**				**7**	
	I	**Trình độ Đại học**				**7**	
	1	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	Chuyên viên	Đại học	1	
	2	Chi cục Thống kê huyện Mường Lát	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2	
	3	Chi cục Thống kê huyện Quan Hóa	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2	
	4	Chi cục Thống kê huyện Bá Thước	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	5	Chi cục Thống kê huyện Cẩm Thủy	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
24		**Nghệ An**				**1**	
	I	**Trình độ Đại học**				**1**	
	1	Chi cục Thống kê KV Kỳ Sơn - Tương Dương	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
25		**Hà Tĩnh**				**3**	
	I	**Trình độ Đại học**				**2**	
	1	Chi cục Thống kê huyện Nghi Xuân	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	2	Chi cục Thống kê huyện Lộc Hà	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	III	**Trình độ Trung cấp**				**1**	
	1	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	Nhân viên	Trung cấp	1	
26		**Quảng Bình**				**7**	
	I	**Trình độ Đại học**				**7**	
	1	Phòng Thống kê Kinh tế	Thống kê nông nghiệp	Thống kê viên	Đại học	1	
	2	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	Chuyên viên	Đại học	1	
	3	Chi cục Thống kê KV Tuyên Hóa - Minh Hóa	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	5	
27		**Quảng Trị**				**7**	
	I	**Trình độ Đại học**				**6**	
	1	Phòng Thống kê Kinh tế	Thống kê nông nghiệp	Thống kê viên	Đại học	2	
	2	Phòng Thu thập thông tin thống kê	Thống kê thương mại	Thống kê viên	Đại học	1	
	3	Phòng Thu thập thông tin thống kê	Công nghệ thông tin thống kê	Thống kê viên	Đại học	1	

TT Cục	TT Chi cục, Phòng	Cục Thống kê tỉnh, thành phố	Vị trí tuyển dụng	Ngạch công chức	Trình độ tối thiểu	Chỉ tiêu thi tuyển	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*
	4	Chi cục Thống kê huyện Hải Lăng	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	5	Chi cục Thống kê huyện Đakrông	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	III	**Trình độ Trung cấp**				**1**	
	1	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	Nhân viên	Trung cấp	1	
28		**Thừa Thiên-Huế**				**9**	
	I	**Trình độ Đại học**				**9**	
	1	Phòng Thu thập thông tin thống kê	Thống kê công nghiệp	Thống kê viên	Đại học	1	
	2	Phòng Thống kê Kinh tế	Thống kê nông nghiệp	Thống kê viên	Đại học	1	
	3	Phòng Tổ chức - Hành chính	Kế toán	Kế toán viên	Đại học	1	
	4	Chi cục Thống kê TP Huế	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	5	Chi cục Thống kê TX Hương Trà	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	6	Chi cục Thống kê huyện Phú Vang	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	7	Chi cục Thống kê TX Hương Thủy	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	8	Chi cục Thống kê huyện Phú Lộc	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	9	Chi cục Thống kê huyện A Lưới	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
29		**Đà Nẵng**				**3**	
	I	**Trình độ Đại học**				**3**	
	1	Phòng Thống kê Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	Thống kê viên	Đại học	1	
	2	Phòng Thu thập thông tin thống kê	Công nghệ thông tin thống kê	Thống kê viên	Đại học	1	
	III	**Trình độ Trung cấp**				**3**	
	1	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	Nhân viên	Trung cấp	1	
30		**Quảng Nam**				**6**	
	I	**Trình độ Đại học**				**6**	
	1	Phòng Thu thập thông tin thống kê	Công nghệ thông tin thống kê	Thống kê viên	Đại học	1	
	2	Chi cục Thống kê KV Đông Tây Giang	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	3	Chi cục Thống kê KV Phước Sơn - Hiệp Đức	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2	
	4	Chi cục Thống kê KV Tiên Phước - Trà My	Thống kê xã hội	Thống kê viên	Đại học	2	
31		**Quảng Ngãi**				**8**	
	I	**Trình độ Đại học**				**8**	
	1	Chi cục Thống kê huyện Mộ Đức	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2	
	2	Chi cục Thống kê KV Nghĩa Hành - Minh Long	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	3	
	3	Chi cục Thống kê huyện Sơn Hà	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	3	
32		**Bình Định**				**7**	
	I	**Trình độ Đại học**				**7**	
	1	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	Chuyên viên	Đại học	1	
	2	Chi cục Thống kê TP Quy Nhơn	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	3	Chi cục Thống kê TX Hoài Nhơn	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	4	Chi cục Thống kê huyện Phù Mỹ	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2	
	5	Chi cục Thống kê huyện Phù Cát	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	6	Chi cục Thống kê KV Tuy Phước- Vân Canh	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	

TT Cục	TT Chi cục, Phòng	Cục Thống kê tỉnh, thành phố	Vị trí tuyển dụng	Ngạch công chức	Trình độ tối thiểu	Chỉ tiêu thi tuyển	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*
33		**Phú Yên**				**10**	
	I	**Trình độ Đại học**				**10**	
	1	Phòng Thống kê Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	Thống kê viên	Đại học	1	
	2	Phòng Thống kê Xã hội	Thống kê dân số, văn xã	Thống kê viên	Đại học	1	
	3	Phòng Thu thập thông tin Thống kê	Thống kê công nghiệp	Thống kê viên	Đại học	2	
	4	Phòng Tổ chức - Hành chính	Kế toán	Kế toán viên	Đại học	1	
	5	Chi cục Thống kê TX Sông Cầu	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	6	Chi cục Thống kê KV Tuy An - Đồng Xuân	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	3	
	7	Chi cục Thống kê KV Sông Hinh - Sơn Hòa	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
34		**Khánh Hòa**				**7**	
	I	**Trình độ Đại học**				**5**	
	1	Phòng Thu thập Thông tin thống kê	Thống kê thương mại	Thống kê viên	Đại học	2	
	2	Phòng Tổ chức - Hành chính	Kế toán	Kế toán viên	Đại học	1	
	3	Chi cục Thống kê TP Nha Trang	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	4	Chi cục Thống kê TX Ninh Hòa	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	II	**Trình độ Cao đẳng**				**1**	
	1	Chi cục Thống kê huyện Trường Sa	Thống kê kinh tế	Thống kê viên cao đẳng	Cao đẳng	1	
	III	**Trình độ Trung cấp**				**1**	
	1	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	Nhân viên	Trung cấp	1	
35		**Ninh Thuận**				**8**	
	I	**Trình độ Đại học**				**7**	
	1	Phòng Thống kê Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	Thống kê viên	Đại học	1	
	2	Phòng Thống kê Kinh tế	Thống kê thương mại	Thống kê viên	Đại học	1	
	3	Phòng Thống kê Xã hội	Thống kê xã hội	Thống kê viên	Đại học	1	
	4	Phòng Thu thập thông tin thống kê	Thống kê xây dựng, vốn đầu tư	Thống kê viên	Đại học	1	
	5	Chi cục Thống kê KV Ninh Phước - Thuận Nam	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	6	Chi cục Thống kê KV Ninh Hải - Thuận Bắc	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2	
	III	**Trình độ Trung cấp**				**1**	
	1	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	Nhân viên	Trung cấp	1	
36		**Bình Thuận**				**16**	
	I	**Trình độ Đại học**				**16**	
	1	Phòng Thu thập thông tin thống kê	Thống kê xây dựng, vốn đầu tư	Thống kê viên	Đại học	4	
	2	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	Chuyên viên	Đại học	1	
	3	Phòng Tổ chức - Hành chính	Kế toán	Kế toán viên	Đại học	1	
	4	Chi cục Thống kê KV La Gi - Hàm Tân	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	3	
	5	Chi cục Thống kê huyện Tuy Phong	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	6	Chi cục Thống kê huyện Bắc Bình	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	7	Chi cục Thống kê huyện Hàm Thuận Bắc	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	8	Chi cục Thống kê KV Đức Linh - Tánh Linh	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2	
	9	Chi cục Thống kê huyện Phú Quý	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2	

TT Cục	TT Chi cục, Phòng	Cục Thống kê tỉnh, thành phố	Vị trí tuyển dụng	Ngạch công chức	Trình độ tối thiểu	Chỉ tiêu thi tuyển	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*
37		**Kon Tum**				**7**	
	I	**Trình độ Đại học**				**7**	
	1	Phòng Thu thập thông tin Thống kê	Thống kê thương mại	Thống kê viên	Đại học	3	
	2	Chi cục Thống kê KV Đắk Tô - Tu Mơ Rông	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	3	Chi cục Thống kê KV Kon Plông - Kon Rẫy	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	4	Chi cục Thống kê KV Sa Thầy - Ia H'Drai	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2	
38		**Gia Lai**				**11**	
	I	**Trình độ Đại học**				**10**	
	1	Phòng Thu thập thông tin thống kê	Công nghệ thông tin thống kê	Thống kê viên	Đại học	1	
	2	Chi cục Thống kê TX An Khê - Đăk Pơ	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	3	Chi cục Thống kê TX Ayun Pa - Phú Thiện	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	4	Chi cục Thống kê huyện Kbang	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	5	Chi cục Thống kê huyện Mang Yang - Đăk Đoa	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	6	Chi cục Thống kê huyện Chư Păh - Ia Grai	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	7	Chi cục Thống kê huyện Kông Chro	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	8	Chi cục Thống kê huyện Chư Prông	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2	
	9	Chi cục Thống kê huyện Chư Sê - Chư Pưh	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	III	**Trình độ Trung cấp**				**1**	
	1	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	Nhân viên	Trung cấp	1	
39		**Đắk Lắk**				**6**	
	I	**Trình độ Đại học**				**5**	
	1	Phòng Tổ chức - Hành chính	Kế toán	Kế toán viên	Đại học	1	
	2	Chi cục Thống kê huyện Krông Pắc	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2	
	3	Chi cục Thống kê KV EaH'leo - Krông Buk	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	4	Chi cục Thống kê KV Lắk - Krông Bông	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	III	**Trình độ Trung cấp**				**1**	
	1	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	Nhân viên	Trung cấp	1	
40		**Đắk Nông**				**3**	
	I	**Trình độ Đại học**				**2**	
	1	Phòng Thu thập thông tin thống kê	Công nghệ thông tin thống kê	Thống kê viên	Đại học	1	
	2	Phòng Thu thập thông tin thống kê	Thống kê nông nghiệp	Thống kê viên	Đại học	1	
	III	**Trình độ Trung cấp**				**1**	
	1	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	Nhân viên	Trung cấp	1	
41		**Lâm Đồng**				**14**	
	I	**Trình độ Đại học**				**14**	
	1	Phòng Thống kê Kinh tế	Thống kê nông nghiệp	Thống kê viên	Đại học	1	
	2	Phòng Thu thập thông tin thống kê	Thống kê giá, dịch vụ vận tải, xuất nhập khẩu	Thống kê viên	Đại học	2	
	3	Chi cục Thống kê KV Đà Lạt - Lạc Dương	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2	
	4	Chi cục Thống kê huyện Di Linh	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	3	
	5	Chi cục Thống kê KV Đức Trọng - Đơn Dương	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2	

TT Cục	TT Chi cục, Phòng	Cục Thống kê tỉnh, thành phố	Vị trí tuyển dụng	Ngạch công chức	Trình độ tối thiểu	Chỉ tiêu thi tuyển	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*
	6	Chi cục Thống kê KV Bảo Lộc - Bảo Lâm	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2	
	7	Chi cục Thống kê KV Đạ Huoai - Đạ Tẻh - Cát Tiên	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2	
42		**Bình Phước**				**7**	
	I	**Trình độ Đại học**				**7**	
	1	Phòng Thống kê xã hội	Thống kê dân số, văn xã	Thống kê viên	Đại học	1	
	2	Phòng Thu thập thông tin thống kê	Thống kê nông nghiệp	Thống kê viên	Đại học	4	
	3	Chi cục Thống kê KV Phước Long - Bù Gia Mập - Phú Riềng	Thống kê kinh tế	thống kê viên	Đại học	2	
43		**Tây Ninh**				**16**	
	I	**Trình độ Đại học**				**16**	
	1	Phòng Thống kê Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	Thống kê viên	Đại học	1	
	2	Phòng Thống kê Kinh tế	Thống kê thương mại	Thống kê viên	Đại học	2	
	3	Phòng Thu thập thông tin thống kê	Thống kê nông nghiệp	Thống kê viên	Đại học	3	
	4	Phòng Tổ chức - Hành chính	Kế toán	Kế toán viên	Đại học	1	
	5	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	Chuyên viên	Đại học	1	
	6	Chi cục Thống kê TP Tây Ninh	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	7	Chi cục Thống kê huyện Tân Biên	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	8	Chi cục Thống kê huyện Tân Châu	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	9	Chi cục Thống kê huyện Dương Minh Châu	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	10	Chi cục Thống kê TX Hòa Thành	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	11	Chi cục Thống kê KV Gò Dầu - Bến Cầu	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2	
	12	Chi cục Thống kê TX Trảng Bàng	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
44		**Bình Dương**				**18**	
	I	**Trình độ Đại học**				**17**	
	1	Phòng Thống kê Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	Thống kê viên	Đại học	2	
	2	Phòng Thống kê Kinh tế	Thống kê xây dựng, vốn đầu tư	Thống kê viên	Đại học	2	
	3	Phòng Thống kê Xã hội	Thống kê dân số, văn xã	Thống kê viên	Đại học	1	
	4	Phòng Thu thập thông tin Thống kê	Thống kê xây dựng, vốn đầu tư	Thống kê viên	Đại học	3	
	5	Phòng Tổ chức - Hành chính	Kế toán	Kế toán viên	Đại học	1	
	6	Chi cục Thống kê KV Bàu Bàng - Dầu Tiếng	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	7	Chi cục Thống kê TX Bến Cát	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2	
	8	Chi cục Thống kê KV Phú Giáo - Bắc Tân Uyên	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2	
	9	Chi cục Thống kê TX Tân Uyên	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	10	Chi cục Thống kê TP Dĩ An	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	11	Chi cục Thống kê TP Thuận An	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	II	**Trình độ Cao đẳng**				**1**	
	1	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	Cán sự	Cao đẳng	1	
45		**Đồng Nai**				**11**	
	I	**Trình độ Đại học**				**11**	
	1	Phòng Thống kê Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	Thống kê viên	Đại học	1	
	2	Phòng Thu thập thông tin Thống kê	Thống kê giá, dịch vụ vận tải, xuất nhập khẩu	Thống kê viên	Đại học	1	

TT Cục	TT Chi cục, Phòng	Cục Thống kê tỉnh, thành phố	Vị trí tuyển dụng	Ngạch công chức	Trình độ tối thiểu	Chỉ tiêu thi tuyển	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*
	3	Phòng Tổ chức - Hành chính	Kế toán	Kế toán viên	Đại học	1	
	4	Chi cục Thống kê TP Biên Hòa	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	5	Chi cục Thống kê huyện Tân Phú	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	6	Chi cục Thống kê huyện Vĩnh Cửu	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	7	Chi cục Thống kê huyện Định Quán	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	8	Chi cục Thống kê huyện Cẩm Mỹ	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	9	Chi cục Thống kê huyện Long Thành	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2	
	10	Chi cục Thống kê huyện Định Quán	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
46		**Bà Rịa-Vũng Tàu**				**13**	
	I	**Trình độ Đại học**				**12**	
	1	Phòng Thống kê Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	Thống kê viên	Đại học	2	
	2	Phòng Thống kê Kinh tế	Thống kê giá, dịch vụ vận tải, xuất nhập khẩu	Thống kê viên	Đại học	1	
	3	Phòng Thống kê Xã hội	Thống kê dân số, văn xã	Thống kê viên	Đại học	1	
	4	Phòng Thu thập thông tin thống kê	Thống kê công nghiệp	Thống kê viên	Đại học	1	
	5	Phòng Thu thập thông tin thống kê	Công nghệ thông tin thống kê	Thống kê viên	Đại học	1	
	6	Chi cục Thống kê TP Bà Rịa	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	7	Chi cục Thống kê huyện Châu Đức	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	8	Chi cục Thống kê huyện Xuyên Mộc	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	9	Chi cục Thống kê huyện Côn Đảo	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	10	Chi cục Thống kê KV Long Điền - Đất Đỏ	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2	
	III	**Trình độ Trung cấp**				**1**	
	1	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	Nhân viên	Trung cấp	1	
47		**Hồ Chí Minh**				**30**	
	I	**Trình độ Đại học**				**30**	
	1	Phòng Thống kê Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	Thống kê viên	Đại học	3	
	2	Phòng Thống kê Xã hội	Thống kê dân số, văn xã	Thống kê viên	Đại học	1	
	3	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	Chuyên viên	Đại học	1	
	4	Chi cục Thống kê Quận 1	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	3	
	5	Chi cục Thống kê Quận 3	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	6	Chi cục Thống kê Quận 4	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	7	Chi cục Thống kê Quận 5	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	8	Chi cục Thống kê Quận 6	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	9	Chi cục Thống kê Quận 7	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	10	Chi cục Thống kê Quận 8	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	11	Chi cục Thống kê quận Gò Vấp	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	12	Chi cục Thống kê quận Tân Bình	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2	
	13	Chi cục Thống kê quận Phú Nhuận	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	14	Chi cục Thống kê TP Thủ Đức	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	4	
	15	Chi cục Thống kê quận Bình Tân	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2	
	16	Chi cục Thống kê huyện Củ Chi	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	17	Chi cục Thống kê huyện Bình Chánh	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2	

TT Cục	TT Chi cục, Phòng	Cục Thống kê tỉnh, thành phố	Vị trí tuyển dụng	Ngạch công chức	Trình độ tối thiểu	Chỉ tiêu thi tuyển	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*
	18	Chi cục Thống kê KV Nhà Bè - Cần Giờ	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	3	
48		**Long An**				**16**	
	I	**Trình độ Đại học**				**15**	
	1	Phòng Thống kê Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	Thống kê viên	Đại học	1	
	2	Phòng Thống kê Kinh tế	Thống kê nông nghiệp	Thống kê viên	Đại học	2	
	3	Phòng Thu thập thông tin thống kê	Thống kê thương mại	Thống kê viên	Đại học	1	
	4	Chi cục Thống kê huyện Tân Thạnh	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	5	Chi cục Thống kê huyện Thủ Thừa	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	6	Chi cục Thống kê huyện Tân Trụ	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	7	Chi cục Thống kê huyện Bến Lức	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	8	Chi cục Thống kê huyện Cần Giuộc	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	9	Chi cục Thống kê huyện Cần Đước	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	10	Chi cục Thống kê huyện Tân Hưng	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	11	Chi cục Thống kê KV Đức Hòa - Đức Huệ	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2	
	12	Chi cục Thống kê KV Kiến Tường - Mộc Hóa	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2	
	III	**Trình độ Trung cấp**				**1**	
	1	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	Nhân viên	Trung cấp	1	
49		**Tiền Giang**				**6**	
	I	**Trình độ Đại học**				**6**	
	1	Phòng Thống kê Kinh tế	Thống kê thương mại	Thống kê viên	Đại học	2	
	2	Phòng Thu thập thông tin thống kê	Thống kê công nghiệp	Thống kê viên	Đại học	1	
	3	Chi cục Thống kê TP Mỹ Tho	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	4	Chi cục Thống kê huyện Châu Thành	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	5	Chi cục Thống kê huyện Gò Công Tây	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
50		**Bến Tre**				**8**	
	I	**Trình độ Đại học**				**8**	
	1	Phòng Thống kê Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	Thống kê viên	Đại học	1	
	2	Phòng Thu thập thông tin thống kê	Thống kê nông nghiệp	Thống kê viên	Đại học	3	
	3	Chi cục Thống kê KV Chợ Lách - Mỏ Cày Bắc	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	4	Chi cục Thống kê huyện Giồng Trôm	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	5	Chi cục Thống kê KV Bình Đại - Ba Tri	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2	
51		**Trà Vinh**				**17**	
	I	**Trình độ Đại học**				**17**	
	1	Phòng Thống kê Kinh tế	Thống kê thương mại	Thống kê viên	Đại học	2	
	2	Phòng Thống kê Xã hội	Thống kê dân số, văn xã	Thống kê viên	Đại học	1	
	3	Phòng Thu thập thông tin thống kê	Thống kê công nghiệp	Thống kê viên	Đại học	2	
	4	Phòng Tổ chức - Hành chính	Kế toán	Kế toán viên	Đại học	1	
	5	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	Chuyên viên	Đại học	1	
	6	Chi cục Thống kê KV Tiểu Cần - Trà Cú	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	3	
	7	Chi cục Thống kê KV Càng Long - Cầu Kè	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	4	

TT Cục	TT Chi cục, Phòng	Cục Thống kê tỉnh, thành phố	Vị trí tuyển dụng	Ngạch công chức	Trình độ tối thiểu	Chỉ tiêu thi tuyển	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*
	8	Chi cục Thống kê KV Duyên Hải - Cầu Ngang	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2	
	9	Chi cục Thống kê KV Trà Vinh - Châu Thành	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
52		**Vĩnh Long**				**6**	
	I	**Trình độ Đại học**				**6**	
	1	Phòng Thu thập thông tin Thống kê	Công nghệ thông tin thống kê	Thống kê viên	Đại học	1	
	2	Chi cục Thống kê huyện Tam Bình	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	3	Chi cục Thống kê TX Bình Minh	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2	
	4	Chi cục Thống kê huyện Trà Ôn	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2	
53		**Đồng Tháp**				**10**	
	I	**Trình độ Đại học**				**9**	
	1	Phòng Thống kê Kinh tế	Thống kê công nghiệp	Thống kê viên	Đại học	1	
	2	Phòng Thu thập thông tin thống kê	Công nghệ thông tin thống kê	Thống kê viên	Đại học	1	
	3	Phòng Thu thập thông tin thống kê	Thống kê công nghiệp	Thống kê viên	Đại học	1	
	4	Phòng Tổ chức - Hành chính	Kế toán	Kế toán viên	Đại học	1	
	5	Chi cục Thống kê KV Hồng Ngự	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	6	Chi cục Thống kê TP Sa Đéc	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	7	Chi cục Thống kê huyện Châu Thành	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	8	Chi cục Thống kê huyện Tam Nông	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	9	Chi cục Thống kê huyện Lấp Vò	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	II	**Trình độ Cao đẳng**				**1**	
	1	Phòng Thống kê Kinh tế	Thống kê công nghiệp	Thống kê viên cao đẳng	Cao đẳng	1	
54		**An Giang**				**15**	
	I	**Trình độ Đại học**				**15**	
	1	Phòng Thu thập thông tin Thống kê	Thống kê xây dựng, vốn đầu tư	Thống kê viên	Đại học	5	
	2	Phòng Tổ chức - Hành chính	Kế toán	Kế toán viên	Đại học	1	
	3	Chi cục Thống kê TP Long Xuyên	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2	
	4	Chi cục Thống kê KV Châu Đốc - An Phú	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2	
	5	Chi cục Thống kê huyện Châu Phú	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	6	Chi cục Thống kê huyện Châu Thành	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2	
	7	Chi cục Thống kê huyện Chợ Mới	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2	
55		**Kiên Giang**				**12**	
	I	**Trình độ Đại học**				**12**	
	1	Phòng Thống kê Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	Thống kê viên	Đại học	1	
	2	Phòng Thu thập thông tin thống kê	Công nghệ thông tin thống kê	Thống kê viên	Đại học	1	
	3	Chi cục Thống kê huyện Tân Hiệp	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	4	Chi cục Thống kê huyện Hòn Đất	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	5	Chi cục Thống kê huyện Giồng Riềng	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2	
	6	Chi cục Thống kê huyện An Biên	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2	
	7	Chi cục Thống kê TP Phú Quốc	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	8	Chi cục Thống kê KV Vĩnh Thuận -U Minh Thượng	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2	

TT Cục	TT Chi cục, Phòng	Cục Thống kê tỉnh, thành phố	Vị trí tuyển dụng	Ngạch công chức	Trình độ tối thiểu	Chỉ tiêu thi tuyển	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*
	9	Chi cục Thống kê huyện Giang Thành	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
56		**Cần Thơ**				**6**	
	I	**Trình độ Đại học**				**6**	
	1	Phòng Thu thập thông tin thống kê	Thống kê xây dựng, vốn đầu tư	Thống kê viên	Đại học	1	
	2	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	Chuyên viên	Đại học	1	
	3	Chi cục Thống kê quận Ninh Kiều	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2	
	4	Chi cục Thống kê KV Thốt Nốt - Vĩnh Thạnh	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	5	Chi cục Thống kê KV Cái Răng - Phong Điền	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
57		**Hậu Giang**				**10**	
	I	**Trình độ Đại học**				**10**	
	1	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	Chuyên viên	Đại học	1	
	2	Phòng Tổ chức - Hành chính	Kế toán	Kế toán viên	Đại học	1	
	3	Phòng Thống kê Kinh tế	Thống kê nông nghiệp	Thống kê viên	Đại học	1	
	4	Phòng Thu thập thông tin thống kê	Thống kê nông nghiệp	Thống kê viên	Đại học	2	
	5	Chi cục Thống kê KV Vị Thủy - Vị Thanh	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2	
	6	Chi cục Thống kê KV Châu Thành A - Châu Thành	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	7	Chi cục Thống kê KV Phụng Hiệp - Ngã Bảy	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	8	Chi cục Thống kê KV Long Mỹ	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
58		**Sóc Trăng**				**11**	
	I	**Trình độ Đại học**				**11**	
	1	Phòng Thống kê Kinh tế	Thống kê nông nghiệp	Thống kê viên	Đại học	1	
	2	Phòng Thu thập thông tin thống kê	Thống kê nông nghiệp	Thống kê viên	Đại học	2	
	3	Chi cục Thống kê KV Sóc Trăng - Mỹ Xuyên	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2	
	4	Chi cục Thống kê KV Thạnh Trị- Ngã Năm	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2	
	5	Chi cục Thống kê KV Long Phú - Cù Lao Dung- Trần Đề	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2	
	6	Chi cục Thống kê TX Vĩnh Châu	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	2	
59		**Bạc Liêu**				**5**	
	I	**Trình độ Đại học**				**5**	
	1	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	Chuyên viên	Đại học	1	
	2	Chi cục Thống kê TP Bạc Liêu	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	3	Chi cục Thống kê TX Giá Rai	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	4	Chi cục Thống kê huyện Đông Hải	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
	5	Chi cục Thống kê KV Phước Long - Hồng Dân	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
60		**Cà Mau**				**3**	
	I	**Trình độ Đại học**				**3**	
	1	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	Chuyên viên	Đại học	1	
	2	Chi cục Thống kê huyện Phú Tân	Thống kê xã hội	Thống kê viên	Đại học	1	
	3	Chi cục Thống kê huyện Thới Bình	Thống kê xã hội	Thống kê viên	Đại học	1	

Viết tắt trong bảng:

KV: Khu vực; TP: Thành phố; TX: Thị xã

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỔNG CỤC THỐNG KÊ

PHỤ LỤC 3

BẢNG VỊ TRÍ, CHỈ TIÊU XÉT TUYỂN CÔNG CHỨC CỤC THỐNG KÊ TỈNH, THÀNH PHỐ NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Thông báo số: 110 /TB-TCTK ngày 30 / 5 /2022 của Tổng cục Thống kê)

STT	Cục Thống kê tỉnh, thành phố	Chi cục Thống kê	Vị trí xét tuyển	Ngạch công chức	Trình độ tối thiểu	Chỉ tiêu xét tuyển	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*
	Tổng cộng					7	
1	Bắc Kạn	Chi cục Thống kê KV Ba Bể - Pắc Nặm	Thống kê kinh tế, làm việc tại trụ sở đóng tại huyện Pắc Nặm	Thống kê viên	Đại học	2	
2	Điện Biên	Chi cục Thống kê huyện Nậm Pồ	Thống kê kinh tế	Thống kê viên	Đại học	1	
3	Đắk Lắk	Chi cục Thống kê KV Buôn Đôn - Ea Súp	Thống kê kinh tế, làm việc tại trụ sở đóng tại huyện Buôn Đôn	Thống kê viên	Đại học	1	
		Chi cục Thống kê KV M'Drắk - Ea Kar	Thống kê kinh tế, làm việc tại trụ sở đóng tại huyện M'Drắk	Thống kê viên	Đại học	1	
4	Sóc Trăng	Chi cục Thống kê KV Châu Thành - Mỹ Tú	Thống kê kinh tế, làm việc tại trụ sở đóng tại huyện Châu Thành	Thống kê viên	Đại học	2	

Ghi chú KV: Khu vực

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỔNG CỤC THỐNG KÊ

PHỤ LỤC 4

BẢNG YÊU CẦU CHUYÊN MÔN NGHIỆP VỤ ĐỐI VỚI CÁC VỊ TRÍ THI TUYỂN, XÉT TUYỂN CÔNG CHỨC CỤC THỐNG KÊ TỈNH, THÀNH PHỐ NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Thông báo số 110 /TB-TCTK ngày 30 / 5 /2022 của Tổng cục Thống kê)

STT	Vị trí tuyển dụng	Ngạch công chức	Yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ
I	**Trình độ Đại học**		
1	**Vị trí Thống kê**	Thống kê viên	(1) Tốt nghiệp Đại học trở lên; có chuyên ngành đào tạo ở trình độ đại học là: thống kê kinh tế-xã hội, kinh tế, toán ứng dụng trong kinh tế, toán tài chính, kinh tế đầu tư, kinh tế quốc tế, kinh tế phát triển, kinh tế kế hoạch, kinh doanh thương mại, kinh doanh quốc tế, tài chính – ngân hàng, kế toán, kiểm toán, hệ thống thông tin quản lý, kinh tế đối ngoại, thương mại quốc tế, quản trị kinh doanh, kinh tế nông nghiệp. (2) Có một trong những chứng chỉ tiếng Anh sau: chứng chỉ tiếng Anh bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam; chứng chỉ tiếng Anh trình độ B trở lên cấp trước ngày Thông tư số 20/2019/TT-BGDĐT ngày 26/11/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo có hiệu lực (ngày 15/01/2020); chứng chỉ tiếng Anh TOEFL 400 trở lên (PBT), 97 trở lên (CBT), 42 trở lên (IBT), IELTS 3.0 trở lên, TOEIC 150 trở lên và A2 khung Châu Âu trở lên. (3) Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc chứng chỉ Tin học Văn phòng B trở lên được cấp trước ngày Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/6/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông có hiệu lực (ngày 10/8/2016).
1.1	*Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia*		
1.2	*Thống kê công nghiệp*		
1.3	*Thống kê xây dựng, vốn đầu tư*		
1.4	*Thống kê nông nghiệp*		
1.5	*Thống kê thương mại*		
1.6	*Thống kê giá, dịch vụ, vận tải, xuất nhập khẩu*		
1.7	*Thống kê dân số, văn xã*		
1.8	*Thống kê kinh tế*		
1.9	*Thống kê xã hội*		
2	**Vị trí Công nghệ thông tin thống kê**	Thống kê viên	(1) Tốt nghiệp Đại học trở lên; có chuyên ngành đào tạo ở trình độ đại học là: khoa học máy tính, truyền thông và mạng máy tính, kỹ thuật phần mềm, hệ thống thông tin, công nghệ thông tin, toán-tin ứng dụng và điện tử viễn thông. (2) Có một trong những chứng chỉ tiếng Anh sau: chứng chỉ tiếng Anh bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam; chứng chỉ tiếng Anh trình độ B trở lên cấp trước ngày Thông tư số 20/2019/TT-BGDĐT ngày 26/11/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo có hiệu lực (ngày 15/01/2020); chứng chỉ tiếng Anh TOEFL 400 trở lên (PBT), 97 trở lên (CBT), 42 trở lên (IBT), IELTS 3.0 trở lên, TOEIC 150 trở lên và A2 khung Châu Âu trở lên.
3	**Vị trí Văn thư**	Chuyên viên	Tốt nghiệp Đại học trở lên; có chuyên ngành đào tạo ở trình độ đại học là: Văn thư lưu trữ, hành chính học, quản trị văn phòng, lưu trữ học, thư ký văn phòng.

STT	Vị trí tuyển dụng	Ngạch công chức	Yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ
4	**Vị trí Kế toán**	Kế toán viên	(1) Tốt nghiệp Đại học trở lên; có chuyên ngành đào tạo ở trình độ đại học là: kế toán, kiểm toán. (2) Có một trong những chứng chỉ tiếng Anh sau: chứng chỉ tiếng Anh bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam; chứng chỉ tiếng Anh trình độ B trở lên cấp trước ngày Thông tư số 20/2019/TT-BGDĐT ngày 26/11/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo có hiệu lực (ngày 15/01/2020); chứng chỉ tiếng Anh TOEFL 400 trở lên (PBT), 97 trở lên (CBT), 42 trở lên (IBT), IELTS 3.0 trở lên, TOEIC 150 trở lên và A2 khung Châu Âu trở lên. (3) Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc chứng chỉ Tin học Văn phòng B trở lên được cấp trước ngày Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/6/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông có hiệu lực (ngày 10/8/2016).
II	**Trình độ Cao đẳng**		
1	**Vị trí Thống kê**	Thống kê viên cao đẳng	(1) Tốt nghiệp Cao đẳng trở lên; chuyên ngành Thống kê; (2) Có một trong những chứng chỉ tiếng Anh sau: chứng chỉ tiếng Anh bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam; chứng chỉ tiếng Anh trình độ B trở lên cấp trước ngày Thông tư số 20/2019/TT-BGDĐT ngày 26/11/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo có hiệu lực (ngày 15/01/2020); chứng chỉ tiếng Anh TOEFL 400 trở lên (PBT), 97 trở lên (CBT), 42 trở lên (IBT), IELTS 3.0 trở lên, TOEIC 150 trở lên và A2 khung Châu Âu trở lên. (3) Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc chứng chỉ Tin học Văn phòng B trở lên được cấp trước ngày Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/6/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông có hiệu lực (ngày 10/8/2016).
1.1	*Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia*		
1.2	*Thống kê công nghiệp*		
1.3	*Thống kê xây dựng, vốn đầu tư*		
1.4	*Thống kê nông nghiệp*		
1.5	*Thống kê thương mại*		
1.6	*Thống kê giá, dịch vụ, vận tải, xuất nhập khẩu*		
1.7	*Thống kê dân số, văn xã*		
1.8	*Thống kê kinh tế*		
1.9	*Thống kê xã hội*		

STT	Vị trí tuyển dụng	Ngạch công chức	Yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ
2	**Vị trí Công nghệ thông tin thống kê**	Thống kê viên cao đẳng	(1) Tốt nghiệp Cao đẳng trở lên chuyên ngành: khoa học máy tính, truyền thông và mạng máy tính, kỹ thuật phần mềm, hệ thống thông tin, công nghệ thông tin, toán-tin ứng dụng và điện tử viễn thông. (2) Có một trong những chứng chỉ tiếng Anh sau: chứng chỉ tiếng Anh bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam; chứng chỉ tiếng Anh trình độ B trở lên cấp trước ngày Thông tư số 20/2019/TT-BGDĐT ngày 26/11/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo có hiệu lực (ngày 15/01/2020); chứng chỉ tiếng Anh TOEFL 400 trở lên (PBT), 97 trở lên (CBT), 42 trở lên (IBT), IELTS 3.0 trở lên, TOEIC 150 trở lên và A2 khung Châu Âu trở lên.
3	**Vị trí Văn thư**	Cán sự	Tốt nghiệp Cao đẳng trở lên; chuyên ngành: Văn thư lưu trữ, hành chính học, quản trị văn phòng, lưu trữ học, thư ký văn phòng.
III	**Trình độ Trung cấp**		
1	**Vị trí Văn thư**	Nhân viên	Tốt nghiệp Trung cấp trở lên; chuyên ngành Văn thư lưu trữ, hành chính học, quản trị văn phòng, lưu trữ học, thư ký văn phòng.

DANH MỤC HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN CÔNG CHỨC NĂM 2022

Họ và tên: ..... **Nam/Nữ:** .....

Ngày sinh: ..... **Thi tuyển/Xét tuyển:** .....

TT	Nội dung	Có	Không	Yêu cầu
1	Phiếu đăng ký dự tuyển theo Mẫu (có dán ảnh mới chụp trong vòng 6 tháng trở lại đây)			Người dự tuyển phải kê khai đầy đủ, rõ ràng, chính xác các nội dung yêu cầu trong Phiếu đăng ký dự tuyển tính đến thời điểm nộp Phiếu; có thể viết tay hoặc đánh máy, phải ký tên trên từng trang của Phiếu;
2	Bản sao bằng tốt nghiệp chuyên môn nghiệp vụ theo yêu cầu vị trí tuyển dụng được cơ quan có thẩm quyền chứng thực			- Chưa yêu cầu nộp bản sao chứng chỉ tiếng Anh, Tin học - Nếu văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công chứng dịch thuật sang tiếng Việt và phải được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận theo quy định tại Thông tư số 13/2021/TT-BGDĐT ngày 15/4/2021 quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, thẩm quyền công nhận văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam.
	Hoặc Giấy chứng nhận tốt nghiệp của cơ sở đào tạo trong thời gian chờ cấp bằng chính thức			
3	Bản sao Phiếu điểm kết quả học tập theo yêu cầu vị trí tuyển dụng được cơ quan có thẩm quyền chứng thực			
4	Bốn (04) phong bì dán tem, ghi rõ họ tên, địa chỉ người nhận và số điện thoại liên lạc; hai (02) ảnh mầu cỡ 4x6 cm mới chụp trong vòng 6 tháng trở lại đây.			Địa chỉ rõ ràng để Hội đồng gửi Giấy triệu tập, Kết quả thi, kết quả trúng tuyển ..
5	Giấy chứng nhận thuộc đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng (nếu có) được cơ quan có thẩm quyền chứng thực			
6	Bản sao các giấy tờ liên quan để được miễn ngoại ngữ (nếu có) được cơ quan có thẩm quyền chứng thực			Đối với các trường hợp thuộc diện được miễn thi ngoại ngữ
6,1	Bản sao bằng tốt nghiệp chuyên ngành ngoại ngữ được cơ quan có thẩm quyền chứng thực			
6,2	Bản sao chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số hoặc giấy khai sinh .. được cơ quan có thẩm quyền chứng thực:			Đối với các trường hợp dự tuyển vào công chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số để được miễn thi ngoại ngữ
7	Các giấy tờ hợp pháp liên quan làm căn cứ xác định bằng tốt nghiệp chuyên môn đã chuẩn đầu ra về ngoại ngữ hoặc tin học theo quy định mà tương ứng với yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển (như đã khai tại Phần III Phiếu đăng ký dự tuyển):			Đối với các trường hợp người đăng ký dự tuyển không kê khai chứng chỉ ngoại ngữ, tin học trong Phiếu đăng ký dự tuyển
8	Cam kết tình nguyện làm việc từ 5 năm trở lên tại Chi cục Thống kê có chỉ tiêu xét tuyển (theo Mẫu)			Đối với các trường hợp đăng ký dự xét tuyển

Ghi chú: Đề nghị sắp xếp Hồ sơ theo đúng thứ tự trên

Người nộp Hồ sơ (Ký, ghi rõ Họ tên):

.....

Người nhận Hồ sơ (Ký, ghi rõ Họ tên):

.....

Ngày nhận Hồ sơ:.....

Mẫu Phiếu đăng ký dự tuyển

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……, ngày ….. tháng ….. năm 2022

(Dán ảnh 4x6)

PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN

Thi tuyển/Xét tuyển[1]: ……

Vị trí dự tuyển[2]: ……

Ngạch dự tuyển[3]: ……

Trình độ dự tuyển[4]: ……

Đơn vị dự tuyển[5]: ……

……

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

Họ và tên:……

Ngày, tháng, năm sinh:…… Nam [6]☐ Nữ ☐

Dân tộc:…… Tôn giáo:……

Số CMND hoặc Thẻ căn cước công dân:…… Ngày cấp: …… Nơi cấp:……..

Số điện thoại di động để báo tin:…… Email:……

Quê quán:……

Hộ khẩu thường trú:……

Chỗ ở hiện nay (để báo tin):……

Tình trạng sức khỏe:……, Chiều cao:……, Cân nặng:…….. kg

Thành phần bản thân hiện nay:……

Trình độ văn hóa:……

Trình độ chuyên môn: ……

II. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ GIA ĐÌNH

Mối quan hệ	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán, nghề nghiệp, chức danh, chức vụ, cơ quan, tổ chức, học tập, nơi ở (trong, ngoài nước); thành viên các tổ chức chính trí –xã hội ..)

III. THÔNG TIN VỀ QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO[7]

STT	Ngày, tháng, năm cấp văn bằng, chứng chỉ	Tên trường, cơ sở đào tạo cấp	Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Số hiệu của văn bằng, chứng chỉ	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)[8]	Ngành đào tạo	Hình thức đào tạo	Xếp loại bằng, chứng chỉ
1	**Bằng tốt nghiệp chuyên môn**							
1.1					Chuyên ngành:.....			
1.2					Ngành: ..... (nếu bảng điểm không có thông tin chuyên ngành			
2	**Chứng chỉ Tiếng Anh, Tin học[9]**							
2.1								
2.2								

IV. THÔNG TIN VỀ QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC (nếu có)

Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ quan, tổ chức công tác
.....	
.....	
.....	
.... đến nay	.....

V. MIỄN THI NGOẠI NGỮ, TIN HỌC

(Thí sinh thuộc diện miễn thi ngoại ngữ, tin học cần ghi rõ lý do miễn thi ở mục này)

Miễn thi ngoại ngữ do: .....

Miễn thi tin học do: .....

VI. ĐỐI TƯỢNG ƯU TIÊN (nếu có)

.....

.....

VII. NỘI DUNG KHÁC

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên của tôi là đúng sự thật. Sau khi nhận được thông báo trúng tuyển tôi sẽ hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng theo quy định. Nếu sai sự thật thì kết quả tuyển dụng của tôi sẽ bị cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng hủy bỏ, tôi sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật và cam kết không đăng ký tham gia kỳ tuyển dụng kế tiếp tại cơ quan tuyển dụng./.

NGƯỜI VIẾT PHIẾU
(Ký, ghi rõ họ tên)

HƯỚNG DẪN GHI PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN

(1) Ghi rõ "Thi tuyển" hay "Xét tuyển"

(2) Ghi đúng vị trí có chỉ tiêu tuyển dụng như tại Phụ lục 1, Phụ lục 2, Phụ lục 3

(3) Ghi đúng ngạch như tại Phụ lục 1, Phụ lục 2, Phụ lục 3

(4) Ghi đúng yêu cầu trình độ tối thiểu tại Phụ lục 1, Phụ lục 2, Phụ lục 3

(5) Ghi chi tiết đến đơn vị có chỉ tiêu tuyển dụng:

"Phòng/Chi cục..... thuộc Cục Thống kê tỉnh .....; Vụ ....; Cục Thu thập ..." như tại Phụ lục 1, Phụ lục 2, Phụ lục 3

(6) Người viết phiếu tích dấu X vào ô tương ứng ô Nam, Nữ

(7) Liệt kê chính xác theo Bằng cấp. chứng chỉ Tiếng Anh, Tin học

(8) Ghi theo thông tin trên Bảng điểm/Phiếu điểm kết quả học tập:

"Chuyên ngành: ....."; trường hợp Bảng điểm/Phiếu điểm kết quả học tập không ghi chuyên ngành thì ghi: "Ngành: ....."

(9) Trường hợp người đăng ký dự tuyển không kê khai chứng chỉ ngoại ngữ, tin học nhưng có bằng tốt nghiệp chuyên môn đã chuẩn đầu ra về ngoại ngữ hoặc tin học theo quy định mà tương ứng với yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển thì phải ghi rõ:

"Chứng chỉ Ngoại ngữ: bằng tốt nghiệp chuyên môn đã chuẩn đầu ra về ngoại ngữ"

hoặc "Chứng chỉ Tin học: bằng tốt nghiệp chuyên môn đã chuẩn đầu ra về tin học"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc

....., Ngày tháng năm 2022

BẢN CAM KẾT
TÌNH NGUYỆN LÀM VIỆC TỪ 5 NĂM TRỞ LÊN TẠI CHI CỤC THỐNG KÊ CÓ CHỈ TIÊU XÉT TUYỂN

Kính gửi:
- Tổng cục Thống kê;
- Cục Thống kê tỉnh.....

Tôi tên là: ..... Nam, Nữ: .....
Sinh ngày:.....
Quê quán:.....
Hộ khẩu thường trú:.....
Chỗ ở hiện tại:.....
Điện thoại liên lạc:.....
Trình độ đào tạo:.....
Chuyên ngành đào tạo:.....
Trình độ Ngoại ngữ..... Trình độ Tin học:.....
Tôi xin đăng ký dự xét tuyển vào vị trí:
.....
Chi cục Thống kê .....
thuộc Cục Thống kê tỉnh .....
Nếu được tuyển dụng vào vị trí xét tuyển trên, tôi cam kết như sau:

- Tình nguy làm việc lâu dài tại Chi cục Thống kê được xét tuyển từ 5 năm trở lên;
- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Nhà nước đối với công chức; các quy định của Cục Thống kê và Tổng cục Thống kê;
- Chấp hành sự phân công nhiệm vụ của Lãnh đạo đơn vị.

Tôi xin chân thành cám ơn./.

Người làm đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)